TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày 22/12/2023
V/v: "tranh chấp Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NS

Các Hội thẩm nhân dân: Ông S, ông V

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông H- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Ông VH - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Nguyên, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

* *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: thôn Tiền, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị M trình bày: Chị và anh T có quen biết nhau qua quan hệ xã hội. Vào ngày 03/5/2019 chị có đưa cho anh TH số tiền 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) để nhờ anh TH mua hộ xe ô tô. Hai bên có lập *"Giấy biên nhận tiền mặt nhờ mua xe"*; anh TH ký ghi họ tên bên mục *"bên nhận tiền"*, còn chị ký bên mục *"bên giao tiền"*. Vì khi đó chị chưa có bằng nên cũng chưa cần ô tô ngay. Anh TH có hứa là đến ngày 06/8/2019 giao xe ô tô cho chị. Nếu chậm giao xe ô tô thì anh TH phải chịu phạt số tiền 500.000đ/ ngày. Tuy nhiên đến hạn chị đã nhiều lần thúc giục nhưng anh TH không bàn xe ô tô và cũng không trả chị tiền. Chị có làm đơn tố cáo anh TH đến Công an huyện Lạng Giang. Sau khi điều tra, Công an huyện đã không khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của anh TH như trên và hướng dẫn chị khởi kiện bằng vụ án dân sự tại Tòa án.

Ngoài ra anh TH còn nhiều lần vay tiền của chị, cụ thể: ngày 20/5/2019 vay số tiền 30.000.000đ; ngày 21/6/2019 vay số tiền 43.000.000đ; ngày 30/6/2019 vay số tiền 17.000.000đ; ngày 05/7/2019 vay số tiền 16.000.000đ; ngày 20/7/2019 vay số tiền 20.000.000đ; ngày 28/7/2019 vay số tiền 4.000.000đ; ngày 13/8/2019 vay số tiền

8.000.000đ; ngày 13/9/2019 vay số tiền 12.000.000đ; ngày 17/10/2019 vay số tiền 50.000.000đ. Tổng cộng là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Toàn bộ 09 khoản vay trên thì chỉ đưa tiền mặt cho nhau chứ không lập giấy biên nhận vay tiền; không có người làm chứng. Vì vậy chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ về 09 lần anh TH vay tiền của chị nêu trên. Chị đã nhiều lần đòi tiền anh TH nhưng anh TH không thanh toán trả. Tại cơ quan điều tra thì anh TH cũng đã thừa nhận có vay nợ của chị tổng số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Nay chị khởi kiện yêu cầu anh TH phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị tổng số tiền gốc còn nợ là 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2023 và biên bản đối chất ngày 20/10/2023, bị đơn là anh T đều trình bày (nhưng không ký vào biên bản): Đối với khoản tiền 460.000.000đ: Ngày 03/5/2019 anh không được nhận số tiền 460.000.000đ từ chị MN để mua hộ xe ô tô như chị MN trình bày; ngày 03/5/2019 anh không có mặt tại nhà chị MN. Đối với "Giấy biên nhận tiền mặt nhờ mua xe" mà chị MN cung cấp tại Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang và Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là do chị MN lừa anh ký vào chứ anh không được nhận tiền. Đối với số tiền 200.000.000đ mà chị MN trình bày anh vay làm 09 lần là không đúng sự thật. Anh không lần nào được nhận tiền vay như chị MN trình bày. Vì vậy anh không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị MN.

Trong quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là anh T đều không hợp tác và không ký vào biên bản ghi lời khai; biên bản đối chất.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh TH tự ý bỏ về; không làm việc với Tòa án; chị MN đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với anh TH nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị M rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình, cụ thể: Chị MN yêu cầu anh T thanh toán trả số tiền 460.000.000đ đã nhận của chị vào ngày 03/5/2019. Yêu cầu tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ".

Đối với số tiền vay 09 lần là 200.000.000đ thì chị MN xin rút yêu cầu; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là anh T vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh T không thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

** Về nội dung vụ án:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị M.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị M số tiền nợ gốc là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của chị M đối với khoản tiền vay 200.000.000đ;

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ" để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn là chị M đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn là anh T không thực hiện nghiêm túc trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị M có mặt; bị đơn là anh T vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh TH theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giao nhận tiền nhờ mua xe ô tô giữa chị M và anh T đều có nơi cư trú tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân; các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Ngày 03/5/2019 giữa chị M và anh T có lập giao kết dân sự là *"Giấy biên nhận tiền mặt nhờ mua xe"* theo đó chị MN có giao cho anh TH số tiền là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) nhờ mua xe ô tô 05 chỗ ngồi; nhãn hiệu Toyota; loại xe Vios; năm sản xuất 2018; thời hạn giao xe là ngày 06/8/2019. Tuy nhiên đến hạn nhưng anh TH không giao xem ô tô; không trả số tiền đã nhận cho chị MN. Vì vậy, giữa chị MN và anh TH đã phát sinh tranh chấp. Ngày 04/3/2021 chị MN đã làm đơn tố cáo anh TH đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lạng Giang. Sau khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm; Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lạng Giang thấy không có sự việc phạm tội nên đã ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 27/QĐ-CQĐT ngày 11/5/2023 đối với đơn tố giác của chị M về việc tố giác anh T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 13/6/2023 chị MN nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu anh TH phải thanh toán trả số tiền 460.000.000đ nhờ mua xe ô tô; số tiền 200.000.000đ đã vay; tổng cộng là 660.000.000đ. HĐXX xác định đây là "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản", theo quy định tại Điều 184; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015, thì chị MN có quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp:

1. Về việc kiện đòi tài sản là số tiền 460.000.000đ nhờ mua xe ô tô:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị M đều cho rằng: vào ngày 03/5/2019 chị MN cho đưa cho anh TH số tiền 460.000.000đ để nhờ mua xe ô tô hộ. Hai bên có lập thành văn bản là*"Giấy biên nhận tiền mặt nhờ mua xe"* theo đó chị MN có giao cho anh TH số tiền là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) nhờ mua xe ô tô 05 chỗ ngồi; nhãn hiệu Toyota; loại xe Vios; năm sản xuất 2018; thời hạn giao xe là ngày 06/8/2019; chị MN ký bên mục *"bên giao tiền"* còn anh TH ký bên mục *"bên nhận tiền"*. Tuy nhiên đến hạn nhưng anh TH không giao xem ô tô; không trả số tiền đã nhận nên chị MN khởi kiện yêu cầu anh TH phải thanh toán trả số tiền 460.000.000đ đã nhận để mua xe ô tô hộ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết đơn tố cáo của chị MN ở Cơ quan điều tra, Công an huyện Lạng Giang và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh T đều không thừa nhận đã nhận số tiền 460.00.000đ của chị MN để mua xe hộ; không có mặt tại nhà chị MN vào ngày 03/5/2019.

Đối với *"Giấy biên nhận tiền mặt nhờ mua xe"* mà chị MN cung cấp tại Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang và Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là do chị MN lừa anh ký vào chứ anh không được nhận tiền. Vì vậy anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị MN.

HĐXX xét thấy: Tại kết luận giám định số 1088/KL-KTHS ngày 06/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận: *"Chữ ký, chữ viết mang tên T dưới mục "Bên nhận tiền" trong mẫu giám định "Giấy bên nhận tiền mặt nhờ mua xe" đề ngày 03/5/2019 so với chữ ký, chữ viết của T trên các tài liệu mẫu* ***là do cùng một người, ký, viết ra****"*.

Anh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự; hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo nên nhận thức rõ về nghĩa vụ pháp lý khi lập *"Giấy bên nhận tiền mặt nhờ mua xe"* vào ngày 03/5/2019 và ký nhận bên mục *"Bên nhận tiền"*. Anh TH cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về việc không có mặt tại nhà chị MN vào ngày 03/5/2019 và không được nhận số tiền 460.000.000đ từ chị MN để nhờ mua xe ô tô hộ.

Từ những phân tích nêu trên xác định vào ngày 03/5/2019 anh T có nhận của chị M số tiền 460.000.000đ để mua xe ô tô hộ; việc lập*"Giấy bên nhận tiền mặt nhờ mua xe"* vào ngày 03/5/2019 giữa chị MN và anh TH là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và anh TH đã ký nhận bên mục *"Bên nhận tiền"*. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền 460.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 163; Điều 166 Bộ luật dân sự.

2. Về việc yêu cầu trả số tiền vay 200.000.000đ:

Tại phiên tòa chị M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay 200.000.000đ mà chị MN trình bày anh T đã vay 09 lần trong năm 2019 và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Vì vậy cần đình chỉ yêu cầu trên của chị M theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ" theo đơn yêu cầu của nguyên đơn là chị M. Xét thấy, không có căn cứ để

thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đang được áp dụng. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ" để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định. Chị M không phải chịu án phí. Hoàn trả chị MN số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 111; khoản 10 điều 114; Điều 125; điều 139; Điều 184; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357; Điều 468; Điều 163; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị M số tiền 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị M đối với khoản tiền vay 200.000.000đ mà chị M cho rằng anh T đã vay 09 lần trong năm 2019.

3. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ".

4. Về án phí: Anh T phải chịu số tiền 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị M số tiền 15.200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005559 ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NS